

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 71/2019/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quỳnh Lưu, ngày 15 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 72/2019/TLST-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án”; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 87/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1939 - Vắng mặt.

2. Bà Chu Thị K, sinh năm 1945 - Vắng mặt.

Cùng trú tại: Xóm Q, xã P, huyện Q, Nghệ An.

- Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960 – Có mặt.

Nơi cư trú: Khôi A, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị M, sinh năm 1940 (tên thường gọi: Nguyễn Thị M) – Vắng mặt (có đơn đề nghị họp vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm Tn, xã P, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Nguyễn Đức N, bà Chu Thị K và bà Hồ Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung: Bà Hồ Thị M (tên thường gọi là Nguyễn Thị M) có nghĩa vụ trả cho ông N, bà K số tiền gốc và lãi đã vay là 247.631.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng). Trong đó, trong đó tiền gốc là 178.406.000 đồng; tiền lãi là 69.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1] Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng ông N, bà K đã nhiều lần cho bà Hồ Thị M (tên thường gọi là Nguyễn Thị M) vay nhiều lần bằng tiền mặt và tiền vàng, cụ thể:

- Ngày 13/10/2015, bà K và bà M đã tổng cộng số tiền mặt và vàng mà bà M đã vay của vợ chồng ông N, bà K là: 98.806.000 đồng (chín mươi tám triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng) và 04 chỉ vàng 9999; hai bên thỏa thuận bà M trả lãi 2,0 %/tháng đối với khoản tiền mặt và lãi của 4 chỉ vàng là 400.000 đồng/tháng đồng thời viết vào sổ để bà Nguyễn Thị M (tên thường gọi) tức Hồ Thị M ký tên xác nhận số nợ trên.

- Ngày 12/9/2015 âm lịch (tức ngày 24/10/2015) bà M vay của vợ chồng ông N, bà K số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 13/9/2015 âm lịch (tức ngày 25/10/2015) bà M vay của vợ chồng ông N, bà K số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Ngày 16/9/2015 âm lịch (tức ngày 28/10/2015) bà M vay của vợ chồng ông N, bà K số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tính từ ngày 12/9/2015 âm lịch đến ngày 16/9/2015 âm lịch (Tức từ ngày 24/10/2015 đến ngày 28/10/2015) bà M vay của vợ chồng ông N, bà K tổng cộng 3 đợt với số tiền là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận bà M trả lãi đối với số tiền trên là 2.000 đồng/ngày/triệu. Bà M đã trả cho bà K số tiền lãi khoản vay trên là 10.975.000 đồng (Mười triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Từ năm 2016 đến nay, ông N và bà K đã nhiều lần yêu cầu bà M trả đủ nợ gốc và nợ lãi nhưng bà M khất lần và không trả được khoản nợ nào.

Ngày 20/5/2019, ông N và bà K đã đến nhà bà Hồ Thị M (tên thường gọi là Nguyễn Thị M) giao cho bà M nhận văn bản thông báo yêu cầu trả nợ vào hạn cuối cùng là ngày 04/6/2019. Nhưng sau ngày đó bà M vẫn không chịu trả nợ. Nay, ông N, bà K yêu cầu bà Hồ Thị M (tên thường gọi: Nguyễn Thị M) phải trả nợ cho vợ chồng ông N, bà K gồm các khoản :

- Trị giá 4 chỉ vàng 9999 x 3.650.000 đồng/chỉ = 14.600.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng)

- Tiền gốc tính đến ngày 13/10/2015 là 98.806.000 đồng (Chín mươi tám triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng)

- Tiền lãi của khoản vay trên tính từ ngày 13/10/2015 đến ngày 05/6/2019 là: 98.806.000 đ x 1,125 %/tháng x 43 tháng 22 ngày = 48.612.000 đồng (Bốn mươi tám triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

- Tiền gốc vay tính từ ngày 24/10/2015 đến ngày 28/10/2015, tổng cộng 3 đợt với số tiền là 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu đồng).

- Tiền lãi của khoản vay trên tính từ ngày 28/10/2015 đến ngày 05/6/2019 là: 65.000.000 đồng x 1,125 %/tháng x 43 tháng 7 ngày = 31.613.000 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng). Ngày 28/10/2015, bà M đã trả tiền lãi 10.975.000

đồng; tính đến ngày 05/6/2019 tiền lãi của khoản vay 65.000.000 đồng bà M còn nợ là 20.613.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng).

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/6/2019 bà M phải trả cho vợ chồng ông N, bà K gồm: Tổng số tiền nợ gốc (Kể cả trị giá 04 chỉ vàng đã quy đổi thành tiền VNĐ) là 178.406.000 đồng và tiền lãi suất là 69.250.000 đồng; tổng cộng là 247.631.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng).

Theo biên bản hòa giải thành lập vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 18/6/2019 do bà Lê Thị Thủy là hòa giải viên của Trung tâm hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thì bà Hồ Thị M (tên thường gọi: Nguyễn Thị M) nhất trí trả nợ cho ông Nguyễn Đức N và bà Chu Thị K số tiền còn nợ là 247.631.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 178.406.000 đồng; tiền lãi là 69.250.000 đồng.

[2] Nội dung mà các bên thỏa thuận ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 18/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ 3.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu quan điểm:

Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 416, 417 và Điều 419 BLTTDS; Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu của đương sự. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án cụ thể như sau: Bà Hồ Thị M (tên thường gọi: Nguyễn Thị M) nhất trí trả nợ cho ông Nguyễn Đức N và bà Chu Thị K số tiền còn nợ là 247.631.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 178.406.000 đồng; tiền lãi là 69.225.000 đồng.

Lệ phí Tòa án: Áp dụng Điều 149 BLTTDS 2015, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn tiền lệ phí sơ thẩm cho người yêu cầu vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Do đó, có căn cứ để công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Đức N, bà Chu Thị K và bà Hồ Thị M (tên thường gọi: Nguyễn Thị M).

Căn cứ vào khoản 7 Điều 27, Điều 149, Điều 416, 417, 419 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 72/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019, cụ thể như sau: Bà Hồ Thị M (tên thường gọi: Nguyễn Thị M) có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức N và bà Chu Thị K số tiền nợ là 247.631.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng); trong đó tiền gốc là 178.406.000 đồng; tiền lãi là 69.225.000 đồng.

Điều 2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn tiền lệ phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đức N và bà Chu Thị K vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Điều 4: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- CCTHADS h.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ an.
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh